CTCP Tập đoàn VNG (UPCOM: VNZ)

FireAnt

Ngày 31/12/2025	365,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.7%	**-6.2%**	**-8.3%**

2025

ROE -16.2% +/- YoY ▲ 39.0%

Q4/25

DT thuần 3,194 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 300 ▲ 10.4%

YoY ▲ 581 ▲ 22.2%

2025

DT thuần 10,891 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 1,618 ▲ 17.4%

Q4/25

LN gộp 1,179 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 127 ▲ 12.1%

YoY ▲ 197 ▲ 20.0%

2025

LN gộp 3,979 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 553 ▲ 16.1%

Q4/25

LN thuần -43.5 *tỷ VNĐ*

QoQ ▼ 59.9 ▼ 365%

YoY ▲ 81.5 ▲ 65.2%

2025

LN thuần 111 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 397 ▲ 139%

Q4/25

LN sau thuế -224 *tỷ VNĐ*

QoQ ▼ 217 ▼ 2997%

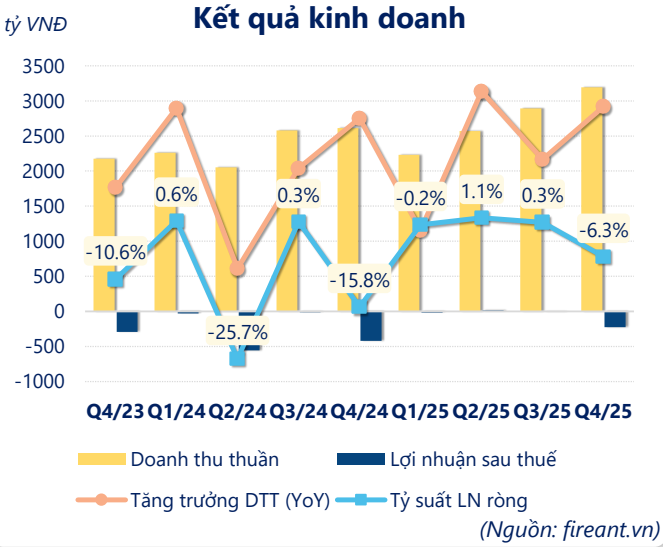
YoY ▲ 197 ▲ 46.8%

2025

LN sau thuế -231 *tỷ VNĐ*

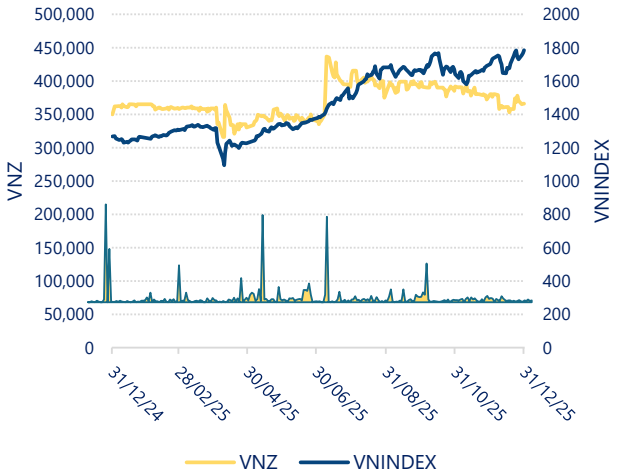
YoY ▲ 949 ▲ 80.4%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

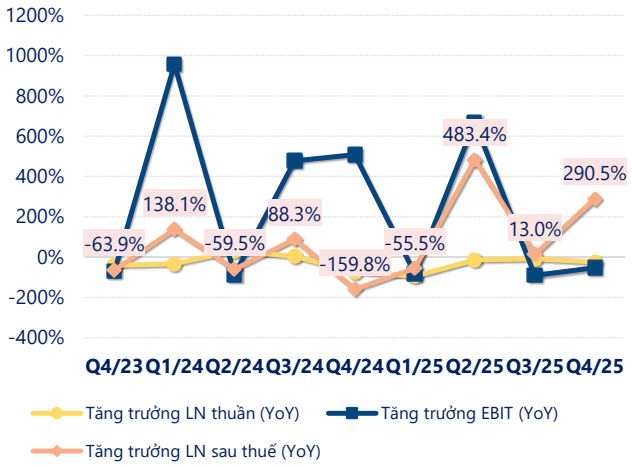
Lịch sử giá



CTCP Tập đoàn VNG (UPCOM: VNZ)

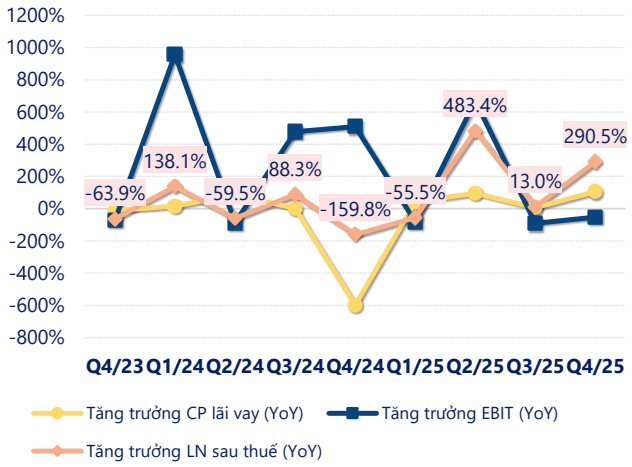
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



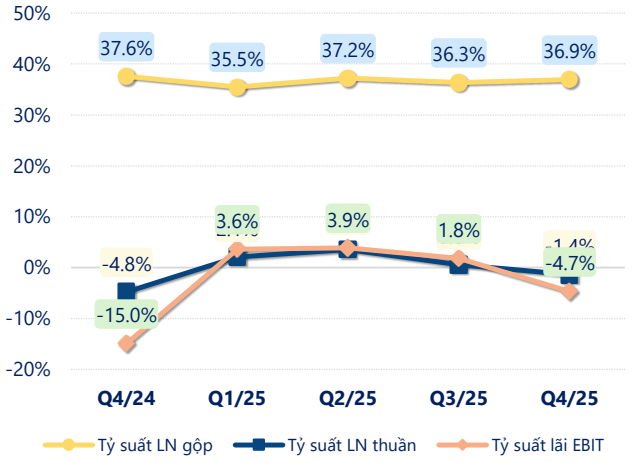
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



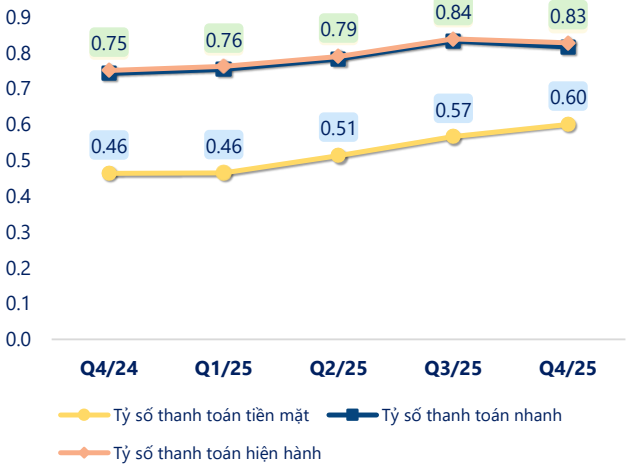
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



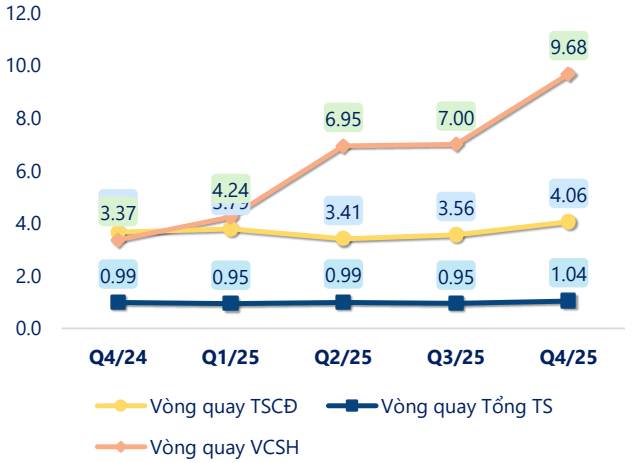
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



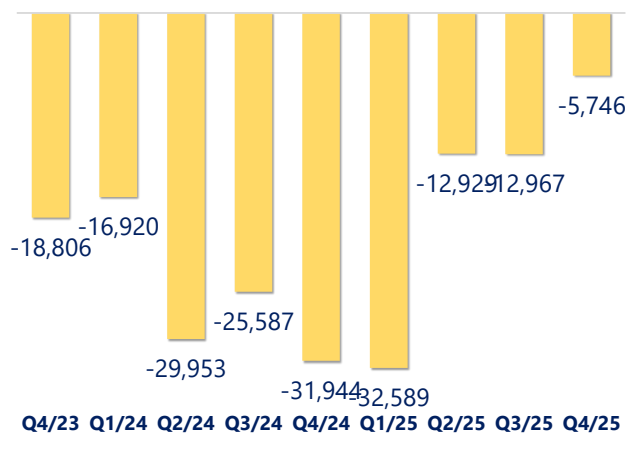
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

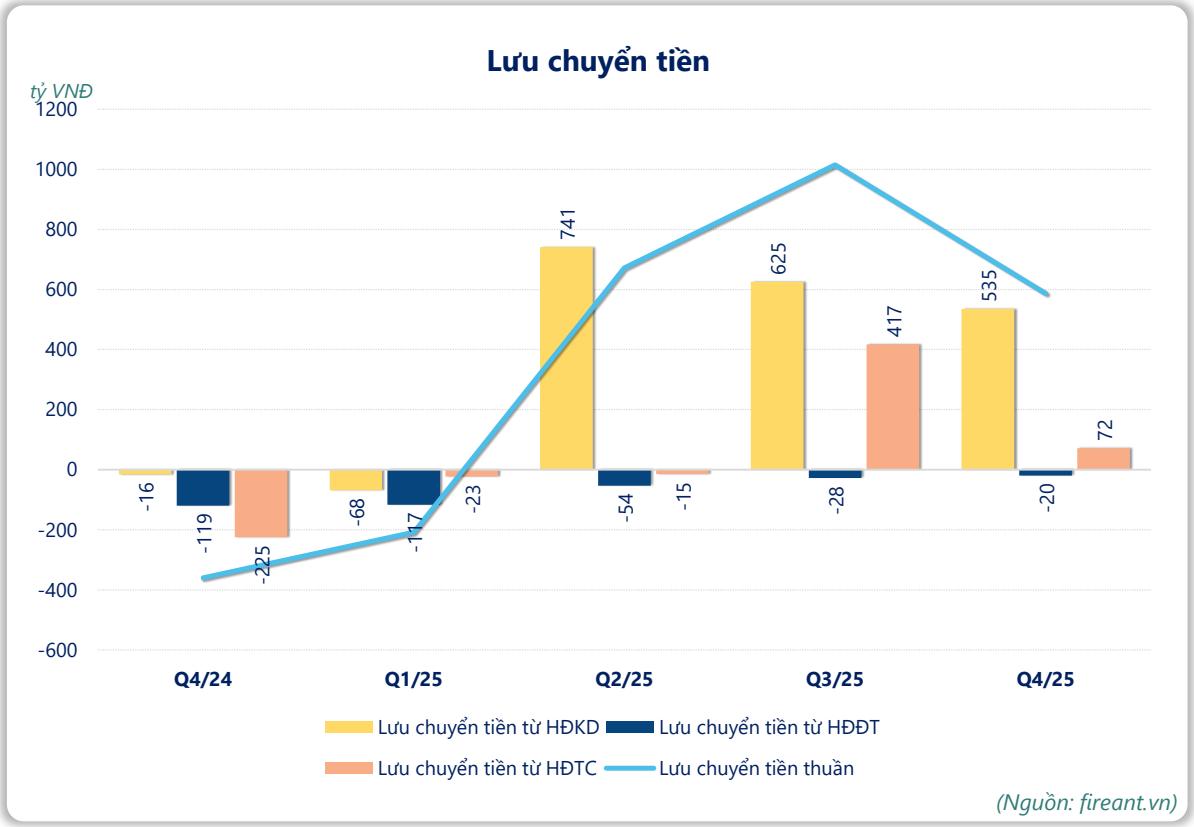


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tập đoàn VNG (UPCOM: VNZ)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,194**	**2,613**	**22.2%**	**10,891**	**9,273**	**17.4%**
Giá vốn hàng bán	2,015	1,631	23.5%	6,911	5,847	18.2%
Lợi nhuận gộp	1,179	982	20.0%	3,979	3,426	16.1%
Doanh thu HĐTC	38.0	37.8	0.6%	213	158	35.1%
Chi phí TC	55.2	48.2	14.4%	193	177	8.7%
Chi phí lãi vay	33.6	35.7	-5.9%	138	145	-5.2%
LN trong công ty LKLD	**18.2**	**-310**	**106%**	**-21.8**	**-392**	**94.4%**
Chi phí bán hàng	811	427	89.8%	2,557	1,971	29.8%
Chi phí QLDN	**413**	**360**	**14.7%**	**1,310**	**1,330**	**-1.5%**
LN thuần từ HĐKD	-43.5	-125	65.2%	111	-286	139%
Lợi nhuận khác	**-141**	**-301**	**53.2%**	**-167**	**-449**	**62.7%**
LN trước thuế	-184	-426	56.7%	-56.9	-735	92.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-224**	**-421**	**46.8%**	**-231**	**-1,180**	**80.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-200**	**-413**	**51.5%**	**-169**	**-1,081**	**84.4%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)